

Phụ lục I

GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức giao năm 2023	Biên chế công chức giao năm 2024	Giảm theo lộ trình	Ghi chú
TỔNG CỘNG (A + B)		1,453	1,433	-20	
A	CẤP TỈNH	831	820	-11	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	33	33		
2	Văn phòng UBND tỉnh	60	59	-1	
3	Sở Nội vụ	53	53		
4	Sở Tư pháp	27	27		
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	33	32	-1	
6	Sở Tài chính	54	54		
7	Sở Công Thương	38	38		
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	91	88	-3	
9	Sở Giao thông vận tải	44	44		
10	Sở Xây dựng	38	37	-1	
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	58	58		
12	Sở Thông tin và Truyền thông	26	26		
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	48	47	-1	
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	35	34	-1	
15	Sở Khoa học và Công nghệ	22	22		
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	47	45	-2	
17	Sở Y tế	48	48		
18	Thanh tra tỉnh	27	26	-1	
19	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	23	23		
20	Ban Dân tộc	17	17		
21	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	4	4		

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức giao năm 2023	Biên chế công chức giao năm 2024	Giảm theo lộ trình	Ghi chú
22	Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh	5	5		
B	CẤP HUYỆN	622	613	-9	
1	Thành phố Vị Thanh	90	87	-3	
2	Thành phố Ngã Bảy	79	78	-1	
3	Thị xã Long Mỹ	65	65		
4	Huyện Long Mỹ	63	63		
5	Huyện Vị Thủy	78	76	-2	
6	Huyện Phụng Hiệp	88	86	-2	
7	Huyện Châu Thành	80	80		
8	Huyện Châu Thành A	79	78	-1	

Phụ lục II
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VÀ
KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CÁI
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND n
của Ủy ban nhân dân tỉnh E

STT	Đơn vị cấp huyện	Số lượng cán bộ, công chức	Số lượng người hoạt động không chuyên trách
1	Thành phố Vị Thanh	194	117
2	Thành phố Ngã Bảy	130	78
3	Thị xã Long Mỹ	193	117
4	Huyện Vị Thủy	215	135
5	Huyện Long Mỹ	176	112
6	Huyện Phụng Hiệp	334	214
7	Huyện Châu Thành	173	109
8	Huyện Châu Thành A	219	139
Tổng		1,634	1,021

NGƯỜI HOẠT ĐỘNG

P XÃ NĂM 2024

ngày tháng năm 2023

(tàu Giang)

Ghi chú (Phường loại I: 23 người, loại II: 21, loại III: 19 Xã, thị trấn: loại 1: 22 người, loại II: 20 người, loại III: 18 người)
Phường loại I: 02: 46 Phường loại II: 03: 63 Xã loại I: 01: 22 Xã loại II: 03: 60 (tăng thêm 03 công chức; 03 người HĐKCT)
Phường loại I: 01: 23 Phường loại II: 03: 63 Xã loại I: 01: 22 Xã loại II: 01: 20 (tăng thêm 02 công chức; 02 người HĐKCT)
Phường loại I: 01: 23 Phường loại II: 03: 63 Xã loại I: 02: 44 Xã loại II: 02: 40 Xã loại III: 01: 18 (tăng thêm 05 công chức; 05 người HĐKCT)
Xã loại I: 07: 154 Xã, thị trấn loại II: 03: 60 (tăng thêm 01 công chức; 01 người HĐKCT)
Xã, thị trấn loại I: 07: 154 Xã loại II: 01: 20 (tăng thêm 02 công chức; 02 người HĐKCT)
Xã loại I: 11: 242 Xã, thị trấn loại II: 04: 80 (tăng thêm 12 công chức; 12 người HĐKCT)
Xã, thị trấn loại I: 06: 132 Xã loại II: 02: 40 (tăng thêm 01 công chức; 01 người HĐKCT)
Xã, thị trấn loại I: 09: 198 Thị trấn loại II: 01: 20 (tăng thêm 01 công chức; 01 người HĐKCT)

Phụ lục III
GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
TRONG CÁC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ CẤP TỈNH NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số giao năm 2023 (ĐVT: người)	Số giao năm 2024 (ĐVT: người)	Ghi chú
TỔNG SỐ		98	98	
1	Liên minh Hợp tác xã	26	26	
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	13	13	
3	Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh	8	8	
4	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	17	17	
5	Hội Luật gia	4	4	
6	Hội Nhà báo	4	4	
7	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	3	3	
8	Hội Bảo trợ Người khuyết tật - Trẻ mồ côi - Bệnh nhân nghèo	5	5	
9	Hội Khuyến học	5	5	
10	Hội Cựu Thanh niên xung phong	3	3	
11	Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật	3	3	
12	Ban đại diện Hội người cao tuổi	3	3	
13	Hội Người mù	4	4	

Phụ lục IV
GIAO BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế viên chức giao năm 2023	Biên chế viên chức giao năm 2024	Tăng/Giảm so với năm 2023	Ghi chú
A	Biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước	13,623	13,371	-252	
I	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	10,017	9,819	-198	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	1,482	1,473	-9	
2	Trường THCS, Tiểu học, Mầm non cấp huyện	8,535	8,346	-189	
2.1	Thành phố Vị Thanh	933	901	-32	
2.2	Thành phố Ngã Bảy	675	668	-7	
2.3	Thị xã Long Mỹ	921	905	-16	
2.4	Huyện Long Mỹ	991	971	-20	
2.5	Huyện Vị Thủy	1,079	1,062	-17	
2.6	Huyện Phụng Hiệp	1,907	1,842	-65	
2.7	Huyện Châu Thành	897	877	-20	
2.8	Huyện Châu Thành A	1,132	1,120	-12	
II	SỰ NGHIỆP Y TẾ	2,000	1,981	-19	
	Sở Y tế	2,000	1,981	-19	
III	SỰ NGHIỆP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	20	20		
	Sở Khoa học và Công nghệ	20	20		
IV	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	138	132	-6	
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	138	132	-6	
V	SỰ NGHIỆP KHÁC	1,448	1,419	-29	
1	Cấp tỉnh	1,013	996	-17	

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế viên chức giao năm 2023	Biên chế viên chức giao năm 2024	Tăng/Giảm so với năm 2023	Ghi chú
1.1	Văn phòng UBND tỉnh	4	4		
1.2	Sở Nội vụ	14	14		
1.3	Sở Tư pháp	31	30	-1	
1.4	Sở Tài chính	11	11		
1.5	Sở Công Thương	42	41	-1	
1.6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	446	422	-24	
1.7	Sở Giao thông vận tải	20	20		
1.8	Sở Tài nguyên và Môi trường	138	138		
1.9	Sở Thông tin và Truyền thông	18	18		
1.10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	69	77	+8	Tăng 08 biên chế do mở rộng quy mô chăm sóc đối tượng
1.11	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	34	34		
1.12	Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh	20	21	+1	
1.13	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang	166	166		
2	Cơ quan, đơn vị cấp huyện	435	423	-12	
2.1	Thành phố Vị Thanh	43	40	-3	
2.2	Thành phố Ngã Bảy	73	71	-2	
2.3	Thị xã Long Mỹ	51	50	-1	
2.4	Huyện Long Mỹ	43	43		
2.5	Huyện Vị Thủy	57	56	-1	
2.6	Huyện Phụng Hiệp	49	47	-2	
2.7	Huyện Châu Thành	67	66	-1	
2.8	Huyện Châu Thành A	52	50	-2	
B	Biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên	1,095	1,114	+19	

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế viên chức giao năm 2023	Biên chế viên chức giao năm 2024	Tăng/Giảm so với năm 2023	Ghi chú
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ	991	1,010	+19	
	Sở Y tế	991	1,010	+19	
II	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	5	5		
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5	5		
III	SỰ NGHIỆP KHÁC	99	99		
1	Sở Nội vụ	8	8		
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	52	52		
3	Sở Tư pháp	6	6		
4	Sở Giao thông vận tải	2	2		
5	Sở Thông tin và Truyền thông	2	2		
6	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang	29	29		